TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/DS-ST
Ngày: 15/11/2023
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trương Hoàng Diệu**

Bà **Võ Tuyết Kha**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 10 và ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án án Dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm V** – sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Thạch Thị H M** – sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh **Nguyễn V L** – sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

Chị **Trương H Ph** – sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Cháu **Nguyễn V H** – sinh ngày 29 tháng 6 năm 2004. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Huỳnh Th T** – sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L và chị Ph có mặt tại phiên tòa ngày 25/10/2023, các đương sự còn lại vắng mặt;

Tất cả đương sự vắng mặt tai phiên tòa ngày 15/11/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất mà ông Phạm V tranh chấp với anh Nguyễn V L là của cha, mẹ ông V là Phạm V Kvà Khu Th M cho bà Trần Th T là mẹ ông V mượn để cất nhà ở, với chiều ngang 8m và chiều dài 38m, nhưng không nhớ cho mượn thời gian nào, đến khi cha, mẹ ông V chết đương nhiên ông V được hưởng đất này. Cũng do chỗ bà con nên vẫn tiếp tục cho bà T mượn đất này. Đến năm 2008 thì con bà T là anh Nguyễn V L hỏi mượn sử dụng vào việc cất nhà, nên ông V cho mượn phần đất ngang 8m dài 38m.

Khi cha mẹ cho ông V thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai. Sau khi cho ông V thì đến ngày 16 tháng 4 năm 1998 ông V được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ 35239) do ông Phạm V đứng tên theo Quyết định số: 10 ngày 11 tháng 01 năm 1997, đất thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 diện tích 2.900m^2 (bản đồ 299), tọa lạc ấp A, xã X, huyện H. Ông V đồng ý đất này là tài sản chung của ông V và vợ ông là Huỳnh Th T sinh năm 1958, cùng địa chỉ ông V.

Nay ông V yêu cầu anh L trả cho ông V phần đất chiều ngang 8m và chiều dài 38m tọa lạc ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, chiều ngang phía trước giáp lộ, ngang phía sau giáp mương. Yêu cầu anh L, chị Ph và cháu H di dời căn nhà trả lại đất cho ông V.

Về giá đất, công trình và cây trồng trên đất ông V không yêu cầu định giá mà xác định đất có giá 20.000.000đ/1m ngang. Tất cả công trình của anh L và chị Ph trên đất có giá 150.000.000đ; Cây trồng thì yêu cầu bứng cây đi trả đất, không yêu cầu định giá cũng không đưa ra giá, khi cần thiết Tòa án sử dụng bảng giá Nhà nước về cây trồng ông V đồng ý.

Về chứng cứ: Ông V căn cứ vào trình bày và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông V được cấp, ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

* Bị đơn anh Nguyễn V L trình bày: Đất mà anh L đang cất nhà ở là của bà ngoại anh L cho mẹ anh L, rồi đến mẹ anh L là bà Trần Th T cho lại anh L. Đất này được sử dụng từ khi bà ngoại anh L còn trẻ và liên tục cho đến nay, không phải đất mượn của ông V nên không đồng ý yêu cầu của ông V.

Ngoài ra, anh L xác định tài sản trên đất của anh có căn nhà hiện tại có anh và chị Ph đang sinh sống, nhà anh vẫn như thẩm định không có sự thay đổi, loại nhà cấp 4 được xây dựng lại vào khoảng năm 2015, nhà khi cất có giá trị khoảng 200.000.000đ. Cây trồng là cây mai vàng lớn có giá khoảng 80.000.000đ; đối với các cây trồng còn lại vẫn như thẩm định nhưng anh L không đưa ra được giá, anh đồng ý Tòa án áp dụng bảng giá của Nhà nước quy định về giá cây trồng đối với cây của anh làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tài sản mới phát sinh là căn nhà mồ xây vào tháng 5 năm 2023. Chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 6m, kết cấu xây bằng bê tông cốt thép, mái lợp tol lạnh, nên lót gạch bông, có tổng giá trị là 32.000.000đ.

Anh L không yêu cầu định giá đối với các tài sản trên đất của anh mà áp dụng giá ông L trình bày và áp dụng bảng giá Nhà nước để xác định giá tài sản làm căn cứ giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

- Chị Ph xác định đất mà ông L yêu cầu là đất của bà ngoại chồng cho mẹ chồng là bà Trần Th T, rồi bà T cho lại anh L. Đất này bà ngoại ở từ khi bà ngoại còn trẻ, đến mẹ rồi anh L tiếp tục sống trên đất này, chị Ph và anh L không có mượn đất ông V, nên không đồng ý rả đất theo yêu cầu ông V.

- Bà Huỳnh Th T vắng mặt không lý do, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của bà.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Anh Liêm, chị Phương, bà Tiếm và cháu Hứa chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V yêu cầu anh L giao trả phần đất có chiều ngang 06m, chiều dài 38m tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Án phí và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Ông V khởi kiện yêu cầu anh L trả đất cho ông V, phần đất tranh chấp tọa lạc tại huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 25/10/2023 chị M có đơn xin vắng mặt; Anh L và chị Ph có mặt, bà T và cháu H vắng mặt không lý do; Tại phiên tòa ngày 15/11/2023 chị M có đơn xin vắng mặt, các đương sự còn lại vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu đòi đất của ông Phạm V:

Ông V yêu cầu anh L và chị Ph trả cho ông V diện tích ngang 08m, dài 38m tọa lạc ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với chiều ngang phía trước giáp lộ và chiều ngày phía sau giáp mương. Ông V cho rằng nguồn gốc phần đất của cha mẹ ông V cho ông V sử dụng và ông V đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 10 ngày 11/01/1997, đất thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 diện tích 2.900m^2 (bản đồ 299) tọa lạc ấp A, xã X. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông V, ông đã cung cấp bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông cho rằng ông đã được cấp quyền sử dụng đối với thửa đất tranh chấp.

Phần đất tranh chấp qua xem xét thẩm định tại chỗ thì anh L và chị Ph trực tiếp sử dụng phần đất có chiều ngang 6m và chiều dài 42,5m. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc đất thì đất tranh chấp có diện tích 253,4m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 31 tờ bản đồ số 31 (bản đồ 323).

Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định đất tranh chấp thì đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa đất số 31 tờ bản đồ số 31 (bản đồ 323). Đồng thời, tại Công văn số 325/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 23/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phước Long đã xác định phần đất tranh chấp do bà Trần Th T (là mẹ của anh L đứng tên trên bảng đồ địa chính hiện hành, qua đối chiếu với tờ bản đồ cũ (Bản đồ 299) đất tranh chấp không thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 diện tích 2.900m^2 (bản đồ 299) do ông V đứng tên.

Ông V cho rằng đất tranh chấp là anh L mượn của ông V, anh L và chị Ph không thừa nhận; Ngoài lời trình bày và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh phần đất tranh chấp là anh L và chị Ph mượn của ông, cũng không chứng minh được đất tranh chấp là của ông V. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu anh L trả đất.

[4] Từ những phần tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V đối với anh Nguyễn V L yêu cầu trả cho ông V phần đất diện tích ngang 08m, dài 38m tọa lạc ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, qua xem xét thẩm định có diện tích 253,4m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 31 tờ bản đồ số 31 (bản đồ 23).

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Buộc ông V chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.566.185đ. Ông V đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 5.000.000đ theo Phiếu thu số: 53/2022/TB-TĐ ngày 23/5/2022, chuyển chi 3.566.185đ, ông V được nhận lại số tiền 1.433.815đ.

[7] Về án phí: Ông V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xét cho ông V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viên kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 228, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V đối với anh Nguyễn V L yêu cầu trả phần đất diện tích ngang 08m, dài 38m, tọa lạc ấp a, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu qua đo đạc thực tế có diện tích 253,4m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 31 tờ bản đồ số 31 (bản đồ 323).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm V chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.566.185đ. Ông V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 5.000.000đ theo Phiếu thu số: 53/2022/TB-TĐ ngày 23/5/2022, chuyển chi 3.566.185đ, ông V được nhận lại số tiền 1.433.815đ.

3. Về án phí:

- Ông Phạm V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xét cho ông V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định

của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang